

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 01/2019/KDTM-GĐT

Ngày: 27/02/2019

"V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Ủy ban Thẩm phán tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Phó chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bường;

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Lê Phước Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại "*tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Ngân hàng Phát triển.

Địa chỉ: S đường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T .

Địa chỉ: B, phường P, Thành phố N , tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN THẤY:

- Ngân hàng - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực K cho Công ty TNHH T vay tiền theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 01/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO ngày 14/01/2011 vay số tiền 02 tỷ đồng; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 01/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ1 ngày 06/9/2011.

2. Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 06/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO ngày 28/01/2011 vay số tiền là 03 tỷ đồng; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 06/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- ĐC1 ngày 30/6/2011; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 06/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ2 ngày 06/9/2011; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 06/2011/HĐTDXK-NHPT-KHOSĐ3 ngày 26/8/2015.

3. Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 18/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO ngày 19/4/2011, vay số tiền là 3,5 tỷ đồng; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 18/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- ĐC1 ngày 20/6/2011; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 18/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ2 ngày 06/9/2011; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 18/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ3 ngày 26/8/2015.

4. Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 22/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO ngày 26/4/2011, vay số tiền là 3,5 tỷ đồng; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 22/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ1 ngày 06/9/2011; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 22/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ2 ngày 26/8/2015.

5. Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 26/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO ngày 28/4/2011 vay số tiền là 3,5 tỷ đồng; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 26/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO-SĐ1 ngày 06/9/2011; Hợp đồng tín dụng xuất khẩu sửa đổi số 06/2011/HĐTDXK-NHPT-KHO- SĐ2 ngày 26/8/2015.

Tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay trên là máy móc thiết bị bao gồm hệ thống tủ đông gió công suất 600kg/h, máy phát điện công suất 600KVA hiệu Cummins và 05 lô hàng T (tôm cá) theo các Hợp đồng thế chấp số 26B/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 31/8/2011, số 01A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 14/01/2011; số 06A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 28/01/2011; 18A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 19/4/2011; 22A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 26/4/2011; 26A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 28/4/2011.

Tổng số tiền gốc mà Công ty TNHH T đã vay của Ngân hàng là 15,5 tỷ đồng. Quá trình vay, Công ty đã trả nợ gốc là 3.568.620.594 đồng. Thời điểm cuối cùng Công ty trả nợ cho Ngân hàng là tháng 12/2015. Tính đến ngày 11/7/2016, Công ty còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc: 11.931.379.406 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày 11/7/2016: 14.107.513.758 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là: 26.038.893.164 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH T phải trả số tiền trên.

- Bị đơn Công ty TNHH T thừa nhận có vay và nợ của Ngân hàng số tiền như trên. Công ty khó khăn nên xin được trả tiền vào ngày 11/9/2016. Nếu Công ty không trả được nợ thì đồng ý giao các tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi hoặc bán tài sản thông qua đấu giá tùy theo yêu cầu của Ngân hàng.

- *Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 12/2016/QĐST-KDTM ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N , tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:*

Tính đến ngày 11/7/2016, Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng số tiền 26.038.893.164 đồng trong đó nợ gốc là 1.931.379.406 đồng, nợ lãi 14.107.513.758 đồng. Tất cả đương sự đều thống nhất về phương thức trả nợ như sau:

Ngày 11/9/2016, Công ty TNHH T sẽ trả cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi 26.038.893.164 đồng.

Trong quá trình trả nợ nêu trên, Công ty TNHH T còn phải chịu thêm tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, số tiền làm căn cứ phát sinh lãi dựa trên số dư nợ thực tế còn lại chưa thanh toán cho đến ngày trả nợ.

Nếu Công ty TNHH T không trả số nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định chung.

Sau khi Công ty TNHH T đã trả xong toàn bộ các khoản tiền nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại toàn bộ các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Công ty TNHH T Việt Nam.

Ngoài ra, Quyết định còn công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về án phí và quy định quyền và nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 14/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Công văn số 576/VKS-P10 đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 112/2018/QĐ-VKS-KDTM ngày 01/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/QĐST-KDTM ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật với lý do:

+ Tại thời điểm Tòa án có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì tài sản thế chấp đã không còn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ: hiện trạng tài sản thế chấp, số đã xuất bán cho khách hàng nước ngoài, số đã tiêu hủy, thời gian tiêu hủy, chứng cứ chứng minh việc đã tiêu hủy dẫn đến công nhận nội dung thỏa thuận: “*Nếu Công ty T không trả số nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ*” là không phù hợp thực tế khách quan và không thể thi hành án, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: “*Trong quá trình trả nợ nêu trên, Công ty T còn phải chịu thêm tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký...* ” nhưng không ấn định cụ thể ngày để tính phát sinh lãi bắt đầu từ ngày nào là

không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 474 BLDS 2005 (nay là điểm b khoản 5 Điều 466 BLDS 2015).

+ Nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng có một phần từ ngân sách nhà nước. Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty T trả tiền nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền nợ gốc. Khoản tiền lãi chính là yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tranh chấp nêu trên thuộc trường hợp những vụ án dân sự không được hòa giải. Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành hòa giải, từ đó ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là không đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

{1} **Về quan hệ tín dụng:** Theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung thì Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) đã vay Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) tổng cộng 15,5 tỷ đồng, đã trả nợ gốc 3.568.620.594 đồng. Tính đến ngày 11/7/2016, Công ty T còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 11.931.379.406 đồng và nợ lãi là 14.107.513.758 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là: 26.038.893.164 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty T thừa nhận có vay và nợ của Ngân hàng số tiền như trên và thỏa thuận trả nợ vào ngày 11/9/2016. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là đúng, các bên đương sự không khiếu nại nên có hiệu lực thi hành.

Về nhận định của kháng nghị cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: *“Trong quá trình trả nợ nêu trên, Công ty T còn phải chịu thêm tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, số tiền làm căn cứ phát sinh lãi dựa trên số dư nợ thực tế còn lại chưa thanh toán cho đến ngày trả nợ”* nhưng không ấn định cụ thể ngày để tính phát sinh lãi bắt đầu từ ngày nào là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015), thì thấy: Theo sự thỏa thuận của các đương sự thì ngày 11/9/2016 Công ty T sẽ trả cho Ngân hàng số tiền nợ cả gốc và lãi là 26.038.893.164 đồng. Do đó, căn cứ phát sinh lãi dựa trên số dư nợ thực tế còn lại chưa thanh toán cho đến ngày trả nợ là ngày 11/9/2016 là đúng, việc tính lãi là theo

Hợp đồng tín dụng và các bên đương sự không khiếu nại gì. Quyết định công nhận sự thỏa thuận ghi nội dung nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

{2} **Về xử lý tài sản thế chấp:** Theo đơn khởi kiện ngày 25/2/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/5/2016, Ngân hàng yêu cầu nếu Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản theo 06 hợp đồng thế chấp là máy móc thiết bị bao gồm hệ thống tủ đông gió công suất 600kg/h và máy phát điện công suất 600KVA hiệu Cummins và 05 lô hàng T (lô tôm cá) thuộc các Hợp đồng xuất khẩu cho khách hàng nước ngoài.

Theo công văn số 2194/CTHADS ngày 03/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa và Công văn 175/NHPT.KHO. NTH-TD ngày 07/7/2017 của Ngân hàng thì toàn bộ tài sản thế chấp thuộc 06 hợp đồng thế chấp, trong đó có 03 tài sản thuộc hợp đồng thế chấp số 01A/2011/HĐTCTS-NHPT- KHO ngày 14/01/2011; số 06A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 28/01/2011; số 26A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 28/4/2011 đã được xuất bán cho khách hàng nước ngoài, còn lại 02 tài sản thuộc Hợp đồng thế chấp 18A/2011/HĐTCTS-NHPT-KHO ngày 19/4/2011 (tài sản thế chấp là hàng tôm the thịt, tôm sú thịt đông lạnh) và Hợp đồng thế chấp số 22A/2011/HĐTCTS-NHPT- KHO ngày 26/4/2011 (tài sản thế chấp là lô hàng cá hồ câu nguyên con) do quá trình bảo quản hàng hóa tại kho đã quá thời hạn quy định, không còn chất lượng nên Công ty T đã ra quyết định tiêu hủy.

Công ty T thế chấp tài sản để vay Ngân hàng nhưng khi bán tài sản thế chấp không dùng khoản tiền thu được để trả nợ cho Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 349 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là khoản 4 Điều 321 Bộ luật dân sự năm 2015), trong trường hợp này bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp. Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, vi phạm Điều 348, Điều 349 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 320, Điều 321 Bộ luật dân sự năm 2015).

Như vậy, khi giải quyết vụ án, tài sản thế chấp đã không còn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh để xác định hiện trạng tài sản thế chấp dẫn đến công nhận nội dung thỏa thuận: “*Nếu Công ty TNHH T không trả số nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định chung*” là trái pháp luật, không thể thi hành được (do đối tượng thi hành án không còn); thỏa thuận này vi phạm điểm b khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004. Do đó, nội dung kháng nghị giám đốc thẩm số 112/QĐ-VKS-KDTM ngày 01/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2016/QĐST-KDTM ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N , tỉnh Khánh Hòa về phần xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

{3} Về nội dung kháng nghị cho rằng: Nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng có một phần từ ngân sách nhà nước. Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty T trả tiền nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền nợ gốc. Khoản tiền lãi chính là yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước; do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tranh chấp nêu trên thuộc trường hợp những vụ án dân sự không được hòa giải. Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành hòa giải, từ đó ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là không đúng quy định của pháp luật, Thấy: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, trong đó có nợ gốc và nợ lãi, không thuộc trường hợp không được hòa giải theo quy định của Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà việc hòa giải là đúng pháp luật.

Với nhận định tại các điểm {1}, {2}, {3} nêu trên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 112/QĐ-VKS-KDTM ngày 01/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2016/QĐST-KDTM ngày 21/7/2016 về phần xử lý tài sản thế chấp, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Khi giải quyết lại cần làm rõ vì sao tại thời điểm hòa giải, tài sản thế chấp không còn mà các bên vẫn thỏa thuận được với nhau về việc xử lý tài sản thế chấp, nếu có dấu hiệu hình sự thì tạm đình chỉ vụ án chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra xem xét xử lý theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342 và khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015,

1. Hủy một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2016/QĐST-KDTM ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N , tỉnh Khánh Hòa về phần xử lý tài sản thế chấp, đối với vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa nguyên đơn là Ngân hàng với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T .

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N , tỉnh Khánh Hòa để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đối với phần bị hủy nêu trên.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP N , tỉnh Khánh Hòa.
(02 bản kèm hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại);
- Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Vụ II - Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N , tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP, Phòng GDKT II.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bường